

Số: 2552/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về thẩm quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ của Tổng cục Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định phân cấp quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng CNTT và kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về thẩm quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ của Tổng cục Hải quan.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1610/QĐ-TCHQ ngày 31/05/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công (không bao gồm mua sắm tài sản công nghệ thông tin) tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, Quyết định số 369/QĐ-TCHQ ngày 03/03/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc quy định thẩm quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ và lựa chọn nhà thầu trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó;

3. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị, Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Cục KHTC – Bộ Tài chính (để p/h);
- Công Thông tin điện tử của TCHQ;
- Lưu: VT, TVQT (04b)



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thọ

QUY ĐỊNH

Về thẩm quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ của Tổng cục Hải quan

(Kèm theo Quyết định số 2552/QĐ-TCHQ ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định thẩm quyền và tổ chức thực hiện quản lý tài chính; tài sản công (thuộc phạm vi được phân cấp quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công); đầu tư xây dựng; ứng dụng công nghệ thông tin và kiểm tra nội bộ của Tổng cục Hải quan.

2. Quy định này áp dụng đối với công chức hải quan, viên chức hải quan, các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và quy định chung

1. Vốn đầu tư công gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) nêu tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này là dự toán để thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm, sửa chữa theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với các dự án sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều này: Thực hiện lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định dự

án đầu tư, quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.

4. Đơn vị sử dụng ngân sách là đơn vị dự toán ngân sách của Tổng cục Hải quan được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Đối với lĩnh vực tài chính

1. Đối với chi thường xuyên:

1.1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1.1. Công tác lập và phân bổ dự toán (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung); phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán hằng năm; tổ chức thực hiện dự toán được giao:

a) Hướng dẫn các đơn vị sử dụng ngân sách xây dựng dự toán thu, chi NSNN, điều chỉnh, bổ sung dự toán hằng năm và Kế hoạch tài chính NSNN 3 năm theo quy định của pháp luật ngân sách.

b) Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách hằng năm và Kế hoạch tài chính NSNN 3 năm của Tổng cục Hải quan.

c) Phê duyệt phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách hằng năm của Tổng cục Hải quan cho các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trong phạm vi dự toán ngân sách được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và không làm thay đổi dự toán các nội dung, nhiệm vụ chi đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao.

d) Báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) về tổng hợp dự toán đã phân bổ, giao, điều chỉnh của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý (kèm theo các tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật ngân sách, đồng thời thuyết minh rõ sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh và kiểm tra, báo cáo số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan) để Bộ Tài chính (cấp I) tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính (quản lý nhà nước) để kiểm tra phân bổ, điều chỉnh dự toán và phê duyệt dự toán trên hệ thống TABMIS.

e) Quyết định giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Hải quan.

g) Quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ lập, phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên NSNN hằng năm theo quy định.

h) Quyết định phê duyệt danh mục và kinh phí, giao nhiệm vụ thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

i) Quyết định phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán hằng năm:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình, hạng mục công trình xây dựng sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

- Đối với các hoạt động ứng dụng CNTT (các nội dung không thuộc định mức chi quản lý hành chính theo quy định) có tổng mức dự toán của từng hoạt động dưới 15 tỷ đồng.

- Đối với nhiệm vụ mua sắm, thuê, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công và nhiệm vụ mua sắm hàng hóa, dịch vụ khác (các nội dung không thuộc định mức chi quản lý hành chính theo quy định) có tổng mức dự toán của từng danh mục dưới 15 tỷ đồng.

k) Báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán giao đầu năm; Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN/công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN của Tổng cục Hải quan và các báo cáo khác của Tổng cục Hải quan theo quy định.

1.1.2. Công tác quyết toán chi NSNN.

a) Phê duyệt kế hoạch xét duyệt quyết toán chi ngân sách hằng năm của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và đơn vị dự toán thuộc Tổng cục Hải quan.

b) Thông báo số liệu xét duyệt quyết toán chi ngân sách hằng năm và thông báo điều chỉnh số liệu xét duyệt quyết toán chi ngân sách.

c) Báo cáo Bộ Tài chính quyết toán chi ngân sách và Báo cáo tài chính hằng năm của Tổng cục Hải quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

d) Báo cáo Bộ Tài chính tình hình công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước.

1.2. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách:

1.2.1. Công tác lập dự toán (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung) và tổ chức thực hiện dự toán được giao:

a) Thực hiện lập dự toán thu, chi NSNN hằng năm và Kế hoạch tài chính NSNN 3 năm của Tổng cục Hải quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, văn bản hướng dẫn hằng năm của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan đảm bảo đúng thời hạn theo quy định.

b) Thực hiện công khai dự toán thu, chi NSNN hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

c) Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN và các báo cáo khác của đơn vị theo quy định của pháp luật ngân sách, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan theo đúng thời hạn quy định.

1.2.2. Công tác quyết toán chi NSNN:

a) Lập, báo cáo Tổng cục trưởng quyết toán chi ngân sách và báo cáo tài chính hằng năm của đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

b) Thực hiện công khai số liệu quyết toán chi ngân sách theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

1.2.3. Ngoài thực hiện nhiệm vụ của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải quan, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải quan:

- Xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ kèm theo thuyết minh chi tiết gửi Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính – Bộ Tài chính để rà soát.

- Chủ trì tổ chức triển khai thủ tục tuyển chọn danh mục, thẩm định kinh phí và báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt Quyết định danh mục và kinh phí, giao nhiệm vụ thực hiện các đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Gửi Cục Tài vụ - Quản trị kết quả rà soát của Viện Chiến lược và chính sách tài chính - Bộ Tài chính kèm Quyết định phê duyệt danh mục và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Tổng cục Hải quan để tổng hợp dự toán báo cáo Bộ Tài chính.

- Tổng hợp, xét duyệt và báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt danh mục, dự toán các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng.

b) Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan:

- Chủ trì tổng hợp, thẩm định đối với dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) hằng năm và Kế hoạch tài chính NSNN 3 năm của Tổng cục Hải quan.

- Tổ chức thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt Quyết định nhiệm vụ chi ứng dụng CNTT của Tổng cục Hải quan theo quy định tại Điều 42 Luật ngân sách nhà nước.

- Gửi Cục Tài vụ - Quản trị kết quả thẩm định dự toán chi ứng dụng CNTT hằng năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước kèm Quyết định giao nhiệm vụ chi ứng dụng CNTT của Tổng cục Hải quan để tổng hợp dự toán báo cáo Bộ Tài chính.

- Trên cơ sở báo cáo dự toán; điều chỉnh, bổ sung dự toán của Tổng cục Hải quan; dự toán và dự toán điều chỉnh, bổ sung được Bộ Tài chính giao đối với nội dung ứng dụng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan rà soát, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin theo phân cấp.

c) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu:

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trang bị tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan của Tổng cục Hải quan; đề xuất và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan.

- Trên cơ sở các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản công phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan, đề xuất danh mục tài sản mua sắm hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

- Gửi Cục Tài vụ - Quản trị để tổng hợp dự toán trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính.

d) Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan:

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trang bị tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm định của Tổng cục Hải quan; đề xuất và trình phê duyệt các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm định.

- Trên cơ sở các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm định, đề xuất danh mục tài sản mua sắm hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

- Gửi Cục Tài vụ - Quản trị để tổng hợp dự toán trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính.

1.3. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị có liên quan đến công tác quản lý tài chính:

1.3.1. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ:

- a) Chủ trì thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của ngành Hải quan hàng năm.

- b) Gửi Cục Tài vụ - Quản trị Quyết định danh mục đào tạo, bồi dưỡng của Tổng cục Hải quan để tổng hợp dự toán báo cáo Bộ Tài chính.

1.3.2. Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế:

- a) Chủ trì thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt Quyết định kế hoạch, danh mục đoàn ra, đoàn vào của Tổng cục Hải quan.

- b) Gửi Cục Tài vụ - Quản trị Quyết định danh mục đoàn ra, đoàn vào của Tổng cục Hải quan để tổng hợp dự toán báo cáo Bộ Tài chính.

1.3.3. Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan:

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trang bị tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan của Tổng cục Hải quan; đề xuất và trình phê duyệt các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan.

- Trên cơ sở các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan, đề xuất danh mục tài sản mua sắm hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

- Gửi Cục Tài vụ - Quản trị để tổng hợp dự toán trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính.

1.4. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị:

1.4.1. Công tác lập và phân bổ dự toán (bao gồm cả điều chỉnh, bổ sung); phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán hằng năm; tổ chức thực hiện dự toán:

- a) Chủ trì tổng hợp, thẩm định báo cáo Tổng cục trưởng hoặc trình Tổng cục

trường báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt đối với các nội dung quy định tại tiết a, b, c, d, e, g, k điểm 1.1.1 khoản 1 Điều này.

b) Nhập số liệu phân bổ ngân sách của toàn bộ các đơn vị sử dụng ngân sách vào hệ thống TABMIS theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở báo cáo dự toán; điều chỉnh, bổ sung dự toán của Tổng cục Hải quan; dự toán và dự toán điều chỉnh, bổ sung được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao: Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì rà soát, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán theo quy định tại tiết i điểm 1.1.1 khoản 1 Điều này (trừ nội dung chi nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin).

Trường hợp dự toán và dự toán điều chỉnh, bổ sung được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nội dung chi đào tạo; chi đoàn ra, đoàn vào khác với đề nghị của Tổng cục Hải quan, Cục Tài vụ - Quản trị có văn bản đề nghị Vụ Tổ chức cán bộ (danh mục chi đào tạo); Vụ Hợp tác quốc tế (danh mục chi đoàn ra, đoàn vào) rà soát và báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt danh mục (chi tiết theo từng đơn vị) đảm bảo phù hợp với dự toán được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao, chuyển danh mục về Cục Tài vụ - Quản trị để tổng hợp chung vào kế hoạch, danh mục dự toán trình Tổng cục trưởng phê duyệt.

1.4.2. Công tác quyết toán chi NSNN:

a) Lập kế hoạch xét duyệt quyết toán chi ngân sách hằng năm của các đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

b) Thực hiện xét duyệt quyết toán chi ngân sách hằng năm của các đơn vị sử dụng ngân sách theo kế hoạch được Tổng cục trưởng phê duyệt.

c) Lập, trình Tổng cục trưởng phê duyệt Báo cáo quyết toán chi ngân sách hằng năm của Tổng cục Hải quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

d) Lập, trình Tổng cục trưởng phê duyệt Báo cáo tài chính hằng năm của Tổng cục Hải quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn.

e) Lập, báo cáo Tổng cục trưởng Báo cáo tình hình công khai số liệu quyết toán chi ngân sách.

1.4.3. Thừa lệnh Tổng cục trưởng ký các nội dung được giao theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng cục Hải quan.

1.4.4. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị thực hiện uỷ quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan: Quyết định giao dự toán, điều chỉnh dự toán, bổ sung dự toán chi NSNN cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo phương án phân bổ dự toán đã được Tổng cục trưởng phê duyệt; công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm của Tổng cục Hải quan; Công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm của Tổng cục Hải quan.

2. Đối với vốn đầu tư công:

2.1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

2.1.1. Báo cáo Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn đầu tư công.

2.1.2. Báo cáo Bộ Tài chính quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm (gồm giao đầu năm và điều chỉnh, bổ sung trong năm), danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án của Tổng cục Hải quan.

2.1.3. Báo cáo Bộ Tài chính về quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hằng năm, tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2.2. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách:

2.2.1. Trước khi lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, xin ý kiến Tổng cục Hải quan:

a) Qua Vụ Tổ chức cán bộ về tổ chức, biên chế dự kiến phục vụ công tác đầu tư xây dựng, phục vụ công tác mua sắm của dự án; sự cần thiết đầu tư với các dự án đầu tư cho đơn vị dự kiến thành lập.

b) Qua Cục Giám sát quản lý về Hải quan về:

- Sự cần thiết đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tập trung, bãi kiểm tra hàng hóa trong quy mô dự án có đề xuất đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng.

- Tiêu chuẩn, định mức, sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng) đối với dự án mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan.

c) Qua Cục Điều tra chống buôn lậu về:

- Sự cần thiết đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng khu nuôi nhốt, huấn luyện chó nghiệp vụ nếu trong quy mô dự án có đề xuất đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng.

- Tiêu chuẩn, định mức, sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng) đối với dự án mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan.

2.2.2. Trên cơ sở ý kiến của Tổng cục Hải quan tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều này:

- Lập nhu cầu đầu tư xây dựng, thuyết minh sự cần thiết đầu tư, tính toán quy mô, khái toán tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn đầu tư công, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn đầu tư công theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, trình Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị) báo cáo Bộ Tài chính xem xét thẩm định, đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn đầu tư công theo quy định.

- Lập nhu cầu đầu tư dự án mua tài sản công, đánh giá sự cần thiết trang bị, tiêu chuẩn, định mức, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng; nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), tính toán quy mô, khái toán tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật, đề xuất danh mục và đề xuất điều chỉnh danh mục đối với các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trình Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị) để báo cáo Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh.

2.2.3. Lập nhu cầu đầu tư dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, đánh giá sự cần thiết trang bị, tiêu chuẩn, định mức, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng; nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), tính toán quy mô, khái toán tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật, đề xuất danh mục và đề xuất điều chỉnh danh mục đối với các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trình Tổng cục trưởng (qua Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan)

báo cáo Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh.

2.2.4. Ngoài thực hiện nhiệm vụ của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu:

- Kiểm tra, rà soát, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt cho ý kiến về sự cần thiết đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng khu nuôi nhốt, huấn luyện chó nghiệp vụ đối với các dự án theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trang bị tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan của Tổng cục Hải quan đồng thời đề xuất và trình phê duyệt các đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan để đề xuất danh mục và đề xuất điều chỉnh danh mục đối với các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công gửi Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh.

b) Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan:

Tổng hợp, thẩm định và báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt các nội dung quy định tại tiết 2.1.1, 2.1.2 điểm 2.1 khoản 2 Điều này đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định gửi Cục Tài vụ - Quản trị để tổng hợp chung trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính.

c) Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan:

Rà soát, tổng hợp nhu cầu trang bị tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm định của Tổng cục Hải quan đồng thời đề xuất và trình phê duyệt các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch mua tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm định để đề xuất danh mục và đề xuất điều chỉnh danh mục đối với các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công gửi Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh.

2.3. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị có liên quan đến công tác quản lý tài chính:

2.3.1. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ:

Kiểm tra, rà soát, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt cho ý kiến về tổ chức, biên chế dự kiến phục vụ công tác đầu tư xây dựng, phục vụ công tác mua sắm đối với các dự án theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách.

2.3.2. Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan:

- Kiểm tra, rà soát, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt cho ý kiến về sự cần thiết đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tập trung, bãi kiểm tra hàng hóa đối với các dự án theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu trang bị tài sản là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan của Tổng cục Hải quan đồng thời đề xuất và trình phê duyệt các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan để đề xuất danh mục và đề xuất điều chỉnh danh mục đối với các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công gửi Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh.

2.4. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị:

2.4.1. Thẩm định các nội dung quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này (trừ quy định tại tiết b điểm 2.2.4 khoản 2 Điều này).

2.4.2. Tổng hợp, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ Tài chính các nội dung quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này.

Điều 4. Đối với lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo thẩm quyền: Quyết định và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên; Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định

của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo phân cấp.

1.2. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án đầu tư xây dựng.

1.3. Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

a) Dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN.

b) Dự án nhóm B sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thủ trường đơn vị sử dụng ngân sách:

2.1. Trên cơ sở yêu cầu về nghiệp vụ, cơ sở vật chất và cơ cấu tổ chức của đơn vị, thực hiện rà soát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2.2. Đề xuất nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án các dự án thuộc nhu cầu đầu tư của đơn vị trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

2.3. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, xin ý kiến Tổng cục Hải quan:

a) Qua Vụ Tổ chức cán bộ về tổ chức, biên chế dự kiến phục vụ công tác đầu tư xây dựng do đơn vị được giao quản lý sử dụng trụ sở đề xuất đầu tư xây dựng.

b) Qua Cục Tài vụ - Quản trị về quy mô, phương án thiết kế kiến trúc do đơn vị được giao quản lý sử dụng trụ sở đề xuất đầu tư xây dựng.

2.4 Trên cơ sở ý kiến của Tổng cục Hải quan tại điểm 2.3 khoản 2 Điều này: Tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng, báo cáo trình cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định dự án, tổng hợp trình cấp quyết định đầu tư theo phân cấp.

2.5. Thực hiện ủy quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan: Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư xây dựng, quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và các nội dung, công việc liên quan đến dự án thuộc thẩm quyền của người quyết định đầu tư:

a) Dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

b) Dự án nhóm C (trừ các nội dung quy định điểm 2.7 khoản 2 Điều này) sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết

định này có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

2.6. Đối với các dự án do Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo uỷ quyền của Tổng cục trưởng:

a) Phòng/Ban/Bộ phận tham mưu về công tác tài vụ quản trị trực thuộc đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan chủ trì thẩm định, thực hiện các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Phòng/Ban/Bộ phận tham mưu về công tác tài vụ quản trị trực thuộc đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, thực hiện các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2.7. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách được giao quản lý, sử dụng tài sản quyết định bảo dưỡng, sửa chữa đối với các công trình, hạng mục có chi phí dưới 500 triệu đồng từ dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

2.8. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị:

3.1. Tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt: Quyết định chủ trương đầu tư và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo phân cấp.

3.2. Trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt: Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo phân cấp.

3.3. Trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét phê duyệt giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án của Tổng cục Hải quan.

3.4. Kiểm tra, rà soát, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt cho ý kiến về quy mô, phương án thiết kế kiến trúc đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công theo đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách.

3.5. Thực hiện theo ủy quyền của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư xây dựng, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, ký thừa ủy quyền từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án cho các nội dung, công việc liên quan đến dự án, đối với các dự án:

a) Dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên.

b) Dự án nhóm C sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên.

3.6. Đối với các dự án do Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo ủy quyền của Tổng cục trưởng:

a) Cục Tài vụ - Quản trị là cơ quan chủ trì thẩm định, thực hiện các nội dung theo quy định pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Cục Tài vụ - Quản trị là cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, thực hiện các nội dung theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3.7. Kiểm tra, rà soát, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt cho ý kiến về hồ sơ trình phê duyệt dự án đối với các dự án do thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư theo ủy quyền của Tổng cục trưởng.

3.8. Đối với các dự án nhóm B, Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Cục Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị khác (nếu cần thiết)) trước khi phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án.

4. Chủ đầu tư xây dựng công trình:

4.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Tổng cục Hải quan thuộc Cục Tài vụ - Quản trị là chủ đầu tư đối với các dự án quan trọng thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa của các đơn vị sử dụng ngân sách có tổng mức đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng.

4.2. Đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư đối với các dự án của đơn vị có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng.

5. Các đơn vị sử dụng ngân sách/Chủ đầu tư gửi 01 bản kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan ngay sau khi phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh (nếu có) đối với các nội dung: Chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thiết kế, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quyết định phê duyệt quyết toán đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên; quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quyết định phê duyệt quyết toán đối với dự án sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên; quyết định phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán hằng năm.

Điều 5. Đối với lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT)

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định và quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm về ứng dụng CNTT của Tổng cục Hải quan.

1.2. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để phê duyệt theo thẩm quyền: chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn đầu tư công và dự án sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

1.3. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án của Tổng cục Hải quan.

1.4. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án đầu tư ứng dụng CNTT của Tổng cục Hải quan thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo phân cấp.

1.5. Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

a) Dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN.

b) Dự án nhóm B, C sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

1.6. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ CNTT của Tổng cục Hải quan có dự toán thuê từ 500 tỷ đồng trở lên.

1.7. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mua sắm tài sản CNTT

không phải lập dự án có tổng mức dự toán từ 500 tỷ đồng trở lên của Tổng cục Hải quan.

1.8. Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ CNTT có dự toán thuê dưới 500 tỷ đồng.

1.9. Quyết định mua sắm tài sản CNTT không phải lập dự án theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024:

1.9.1. Tài sản CNTT theo danh mục quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

1.9.2. Tài sản CNTT có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng.

2. Thủ trường đơn vị sử dụng ngân sách:

2.1. Lập Kế hoạch 5 năm về ứng dụng CNTT và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm về ứng dụng CNTT của đơn vị báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê hải quan) tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

2.2. Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án ứng dụng CNTT do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê hải quan) tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

2.3. Lập nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư ứng dụng CNTT do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê hải quan) tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

2.4. Lập hồ sơ dự án, báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành trình Tổng cục trưởng phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án đầu tư ứng dụng CNTT do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư.

Gửi 02 bộ hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành về Tổng cục Hải quan (01 bản về Cục Tài vụ - Quản trị; 01 bản về Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan) để thẩm tra phê duyệt.

2.5. Lập hồ sơ kế hoạch thuê dịch vụ CNTT và báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ CNTT do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ trì thuê dịch vụ.

2.6. Quyết định mua sắm tài sản CNTT không phải lập dự án theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 thuộc phạm vi đơn vị quản lý đối với tài sản CNTT theo danh mục quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này và có tổng mức dự toán dưới 45 tỷ đồng.

2.7. Đơn vị sử dụng ngân sách/Chủ đầu tư gửi 02 bản kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan ngay sau khi phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh (nếu có): Chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thiết kế, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quyết định phê duyệt quyết toán đối với dự án; kế hoạch thuê, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng đối với hoạt động mua sắm/thuê dịch vụ CNTT có giá trị từ 15 tỷ đồng trở lên; quyết định phê duyệt danh mục dự toán hằng năm.

2.8. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

2.9. Ngoài thực hiện nhiệm vụ của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan thực hiện hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì xây dựng, tổng hợp trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt đối với nội dung quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3, điểm 1.6 và điểm 1.7 khoản 1 Điều này.

b) Chủ trì xây dựng, tổng hợp và trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư ứng dụng CNTT quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều này.

c) Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng CNTT theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng quy định tại điểm 1.5 khoản 1 Điều này, gửi Cục Tài vụ Quản trị ý kiến thẩm định để tổng hợp vào báo cáo thẩm định dự án. Trường hợp dự án do Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan là chủ đầu tư: Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết

kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng CNTT theo hình thức báo cáo kinh tế kỹ thuật.

d) Tổ chức thẩm định nội dung liên quan đến kỹ thuật, công nghệ của kế hoạch thuê dịch vụ CNTT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng quy định tại điểm 1.8 khoản 1 Điều này và không do Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê hải quan là chủ trì thuê, gửi Cục Tài vụ - Quản trị ý kiến thẩm định đề tổng hợp vào báo cáo thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ. Trường hợp kế hoạch thuê dịch vụ do Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan là chủ trì thuê dịch vụ: Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định kỹ thuật, công nghệ của kế hoạch thuê dịch vụ.

e) Thẩm tra các nội dung về kỹ thuật, công nghệ (danh mục, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, cấu hình của thiết bị ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng thực hiện đã nghiệm thu theo quy định) và tại hồ sơ hoàn công (trường hợp cần thiết) của hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án đầu tư ứng dụng CNTT hoàn thành thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng tại điểm 1.5 khoản 1 Điều này, gửi Cục Tài vụ- Quản trị đề tổng hợp.

Trường hợp dự án do Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan là chủ đầu tư: Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan giao cho đơn vị có chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc thành lập Hội đồng để thẩm tra các nội dung nêu trên.

3. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị:

3.1. Chủ trì tổng hợp, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều này.

3.2. Thẩm định dự án đầu tư ứng dụng CNTT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng quy định tại điểm 1.5 khoản 1 Điều này về trình tự, thủ tục đầu tư; tổng mức đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của dự án; Tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

Đối với dự án đầu tư ứng dụng CNTT nhóm B, Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính: Cục Tin học và Thống kê tài chính, Vụ Đầu tư, Cục Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị khác (nếu cần thiết) trước khi phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư.

3.3. Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng quy định tại điểm 1.5 khoản 1 Điều này (trừ các nội dung quy định tiết e điểm 2.9 khoản 2 Điều này); Tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

3.4. Thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ CNTT về trình tự, thủ tục kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin; dự toán, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin; Tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ CNTT thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng cục trưởng quy định tại điểm 1.8 khoản 1 Điều này.

Đối với kế hoạch thuê dịch vụ CNTT có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng, Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính: Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị khác (nếu cần thiết) trước khi phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ.

3.5. Chủ trì thẩm định đối với quyết định mua sắm tài sản CNTT do Tổng cục trưởng quyết định mua sắm quy định tại điểm 1.9 khoản 1 Điều này. Đối với quyết định mua sắm tài sản CNTT có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng: Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính: Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị khác (nếu cần thiết) trước khi quyết định mua sắm.

4. Chủ đầu tư:

4.1. Đối với dự án đầu tư ứng dụng CNTT:

a) Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ đầu tư đối với dự án nhóm B (trừ dự án giao Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư).

b) Đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư đối với các dự án nhóm C thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (trừ dự án giao Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư).

4.2. Đối với kế hoạch thuê dịch vụ CNTT:

a) Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ trì thuê dịch vụ CNTT đối với kế hoạch thuê dịch vụ CNTT có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng.

b) Đơn vị sử dụng ngân sách là chủ trì thuê dịch vụ CNTT đối với kế hoạch thuê dịch vụ CNTT có tổng mức dự toán dưới 45 tỷ đồng.

4.3. Đối với mua sắm tài sản CNTT không phải lập dự án:

a) Cục Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan là chủ đầu tư đối với mua sắm tài sản CNTT thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Tổng cục trưởng quy định tại điểm 1.9 khoản 1 Điều này.

b) Đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư đối với mua sắm tài sản CNTT thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quy định tại điểm 2.6 khoản 2 Điều này.

Điều 6. Đối với lĩnh vực quản lý tài sản công

1. Đối với mua sắm tài sản công (không bao gồm tài sản CNTT):

1.1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1.1. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính để phê duyệt theo thẩm quyền: chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án mua tài sản công sử dụng nguồn vốn đầu tư công và dự án sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

1.1.2. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án của Tổng cục Hải quan.

1.1.3. Lập hồ sơ dự án, báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án mua tài sản công của Tổng cục Hải quan thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

1.1.4. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định mua sắm tài sản công có

tổng mức dự toán từ 500 tỷ đồng trở lên của Tổng cục Hải quan.

1.1.5. Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành:

a) Dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN.

b) Dự án nhóm B, C sử dụng dự toán quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

1.1.6. Quyết định mua sắm:

a) Tài sản công (trừ quy định tại tiết b điểm 1.1.5 khoản 1 Điều này) có tổng dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng.

b) Vũ khí, công cụ hỗ trợ (trừ quy định tại tiết b điểm 1.1.5 khoản 1 Điều này).

c) In, mua: Ấn chỉ, niêm phong hải quan, lịch, sổ tay công tác phục vụ công tác tuyên truyền của ngành (trừ quy định tại tiết b điểm 1.1.5 khoản 1 Điều này).

d) Trang phục hải quan (bao gồm cả may trang phục) trừ biển tên công chức, viên chức, trang phục cho đối tượng làm việc theo hợp đồng lao động giản đơn và nội dung quy định tại tiết b điểm 1.1.5 khoản 1 Điều này.

1.2. Thủ trường đơn vị sử dụng ngân sách:

1.2.1. Đối với dự án mua tài sản công:

a) Trước khi lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo Tổng cục Hải quan:

- Qua Cục Giám sát quản lý về hải quan đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan; qua Cục Điều tra chống buôn lậu đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan: cho ý kiến đối với dự án mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng về tiêu chuẩn, định mức, sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

- Qua Cục Công nghệ thông tin và thống kê Hải quan về yêu cầu kỹ thuật kết nối với hệ thống nghiệp vụ Hải quan đối với dự án mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan; phòng,

chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan; phân tích phân loại có yêu cầu thực hiện kết nối với hệ thống nghiệp vụ Hải quan.

b) Trên cơ sở ý kiến của Tổng cục Hải quan tại tiết a điểm 1.2.1 khoản 1 Điều này, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án trình Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị) báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

c) Lập nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án và dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư trình Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị) báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

d) Lập hồ sơ dự án (03 bộ) trình Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị, Cục Giám sát quản lý về Hải quan (đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan), Cục Điều tra chống buôn lậu (đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan), Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan (về yêu cầu kỹ thuật kết nối với hệ thống nghiệp vụ Hải quan (nếu có)) phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư đối với các dự án mua tài sản công do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư.

e) Lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành trình Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị) phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đối với các dự án mua tài sản công do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư.

1.2.2. Quyết định mua sắm tài sản công:

a) Quyết định mua sắm tài sản công trong phạm vi quản lý của đơn vị (trừ quy định tại tiết 1.1.6 điểm 1.1 khoản 1 Điều này).

b) Báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với mua sắm tài sản công có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng.

1.2.3. Đơn vị sử dụng ngân sách/Chủ đầu tư gửi 01 bản kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan ngay sau khi phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh (nếu có): Chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, thiết kế, dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và quyết định phê duyệt quyết toán đối với dự án; quyết định mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng đối với mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 15 tỷ đồng trở lên; quyết định phê duyệt kế hoạch, danh mục dự toán hằng năm.

1.2.4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 9 quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

1.2.5. Ngoài thực hiện nhiệm vụ của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách, Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu:

a1) Về chủ trương đầu tư:

- Thực hiện lập các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với dự án mua tài sản công phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư.

- Chuyển Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

a2) Về phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư:

- Đối với dự án do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư: Thực hiện lập, thẩm định các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) tại Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan.

- Đối với dự án do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư: Thực hiện thẩm định các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan.

- Chuyển Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp, báo cáo Tổng cục trưởng quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư hoặc trình Tổng cục trưởng đề báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư.

b) Cục trưởng Cục Kiểm định Hải quan:

b1) Về chủ trương đầu tư:

- Thực hiện lập các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với dự án mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm định hải quan do Tổng cục Hải quan là Chủ đầu tư.

- Chuyển Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp vào báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

b2) Về phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư:

- Thực hiện lập, thẩm định các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) tại Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm định hải quan do Tổng cục Hải quan là Chủ đầu tư.

- Chuyển Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp, báo cáo Tổng cục trưởng quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư hoặc trình Tổng cục trưởng đề báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư.

c) Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan:

Đối với dự án mua tài sản công là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan; phòng, chống buôn lậu; phòng, chống ma túy; kiểm soát hải quan; phân tích phân loại yêu cầu kỹ thuật thực hiện kết nối với hệ thống nghiệp vụ Hải quan: Xác định yêu cầu kỹ thuật kết nối với hệ thống nghiệp vụ Hải quan và đảm bảo hạ tầng, điều kiện kết nối từ các trang thiết bị chuyên dùng với các hệ thống nghiệp vụ Hải quan.

1.3. Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về Hải quan

1.3.1. Về chủ trương đầu tư:

- Thực hiện lập các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với dự án mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát Hải quan do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư.

- Chuyên Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp vào Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

1.3.2. Về phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư

- Đối với dự án do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư: Thực hiện lập, thẩm định các nội dung về sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ và các nội dung khác có liên quan (nếu có) tại Báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt đối với mua tài sản công phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát hải quan.

- Đối với dự án do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư: Thực hiện thẩm định các nội dung về tiêu chuẩn, định mức, sự cần thiết trang bị, hiện trạng bố trí, lý do trang bị, hiệu quả sử dụng, nhu cầu trang bị (chủng loại, số lượng, địa điểm trang bị, đơn vị sử dụng), thông số kỹ thuật tối thiểu, công nghệ, yêu cầu kết nối của thiết bị gắn với quy trình nghiệp vụ và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

- Chuyên Cục Tài vụ - Quản trị tổng hợp, báo cáo Tổng cục trưởng quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư hoặc trình Tổng cục trưởng để báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư.

1.4. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị:

1.4.1. Về chủ trương đầu tư:

- Thực hiện lập về tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và các nội dung khác có liên quan (trừ nội dung quy định tại tiết a1, b1 điểm 1.2.5

khoản 1 Điều này và điểm 1.3.1 khoản 1 Điều này) đối với các dự án do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư.

- Tổng hợp các nội dung trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư.

1.4.2. Chủ trì lập, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với dự án do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư.

1.4.3. Chủ trì tổng hợp, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư.

1.4.4. Về phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư:

- Đối với dự án do Tổng cục Hải quan hoặc Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư: Thực hiện lập, thẩm định về tổng mức đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và các nội dung khác có liên quan (trừ nội dung quy định tại tiết a2, b2 điểm 1.2.5 khoản 1 Điều này và điểm 1.3.2 khoản 1 Điều này).

- Đối với dự án do đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư: Thực hiện thẩm định về sự phù hợp của tổng mức đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và các nội dung khác có liên quan (trừ nội dung quy định tại tiết a2, b2 điểm 1.2.5 khoản 1 Điều này và điểm 1.3.2 khoản 1 Điều này).

- Tổng hợp kết quả thẩm định của các đơn vị báo cáo Tổng cục trưởng quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư hoặc trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư.

- Đối với dự án nhóm B, Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính (Cục Quản lý Công sản, Vụ Đầu tư, Cục Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị khác (nếu cần thiết)) trước khi phê duyệt quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án.

- Đối với quyết định mua sắm tài sản công có tổng mức dự toán từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng, Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính: Cục Quản lý công sản, Cục Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị khác (nếu cần thiết) trước khi phê duyệt quyết định mua sắm.

- Chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt hoặc trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

- Chủ trì thẩm định, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt quyết định mua sắm tài sản công có tổng mức dự toán mua sắm từ 45 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng.

1.5. Chủ đầu tư:

1.5.1. Đối với mua sắm tài sản công phải lập dự án:

a) Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư đồng thời là bên mời thầu đối với dự án Nhóm B đầu tư mua sắm tài sản công cho từ 02 đơn vị sử dụng ngân sách sử dụng trở lên (trừ dự án giao Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư).

b) Đơn vị sử dụng ngân sách là Chủ đầu tư đối với dự án nhóm B (trừ quy định tại tiết a điểm 1.5.1 khoản 1 Điều này và trừ dự án giao Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư) và dự án nhóm C.

1.5.2. Đối với mua sắm tài sản công không phải lập dự án:

a) Cục Tài vụ - Quản trị là Chủ đầu tư đồng thời là bên mời thầu đối với:

- Tài sản công có tổng dự toán từ 80 tỷ đồng trở lên đến dưới 500 tỷ đồng và mua sắm cho từ 02 đơn vị sử dụng ngân sách trở lên.

- Vũ khí, công cụ hỗ trợ.

- In, mua: Ấn chỉ, niêm phong hải quan, lịch, sổ tay công tác phục vụ công tác tuyên truyền của ngành.

- Trang phục hải quan (bao gồm cả may trang phục) trừ biển tên công chức, viên chức, trang phục cho đối tượng làm việc theo hợp đồng lao động giản đơn.

b) Đơn vị sử dụng ngân sách là chủ đầu tư đối với mua sắm tài sản công, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì tài sản công, hàng hóa, dịch vụ trong phạm vi quản lý của đơn vị (trừ quy định tại tiết a điểm 1.5.2 khoản 1 Điều này).

2. Đối với thuê tài sản:

2.1. Thủ trường đơn vị sử dụng ngân sách quyết định thuê tài sản (trừ thuê dịch vụ công nghệ thông tin) trong phạm vi quản lý.

2.2. Trình tự, thủ tục: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ. Riêng đối với thuê xe ô tô

thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

3. Đối với khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

3.1. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3.2. Trình tự, thủ tục và danh mục hồ sơ:

3.2.1. Đối với khoản kinh phí sử dụng xe ô tô: thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Điều 21 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

3.2.2. Đối với khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác: thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

4. Đối với xử lý tài sản công:

4.1. Đối với điều chuyển, điều động, sắp xếp tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

4.1.1. Tổng cục trưởng quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại tiết 4.1.2 điểm 4.1 khoản 4 Điều này).

Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì thẩm định, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt quyết định điều chuyển tài sản. Đối với tài sản chuyên dùng, Cục Tài vụ - Quản trị lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn nghiệp vụ trước khi báo cáo Tổng cục trưởng quyết định.

4.1.2. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện theo uỷ quyền của Tổng cục trưởng quyết định điều chuyển chó nghiệp vụ giữa các đơn vị sử dụng ngân sách theo tiêu chuẩn định mức sử dụng chó nghiệp vụ được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

4.1.3. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định việc bố trí, sắp xếp lại tài sản trong nội bộ đơn vị (trước đây gọi là điều chuyển nội bộ).

4.1.4. Trình tự, thủ tục và danh mục hồ sơ điều chuyển: thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính

phù.

4.2. Đối với thu hồi, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

4.2.1. Đối với thu hồi và xử lý tài sản sau thu hồi

a) Tổng cục trưởng quyết định:

a1) Thu hồi tài sản công (trừ tài sản công là vũ khí, công cụ hỗ trợ) theo quy định tại Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017.

Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì tham mưu, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt quyết định thu hồi tài sản công.

a2) Xử lý tài sản công bị thu hồi theo thẩm quyền của Tổng cục trưởng: thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ.

Cục Tài vụ - Quản trị thẩm định và đề xuất hình thức xử lý tài sản sau thu hồi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a3) Trình tự, thủ tục và danh mục hồ sơ:

- Đối với thu hồi tài sản công: thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ.

- Đối với xử lý tài sản công sau thu hồi: thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ.

b) Việc thu hồi vũ khí, công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, quy định của pháp luật về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Quyết định số 2215/QĐ-TCHQ ngày 25/8/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách đề nghị cơ quan chức năng thu hồi vũ khí, công cụ hỗ trợ với lý do không còn nhu cầu sử dụng, đơn vị sử dụng ngân sách lấy ý kiến và được Tổng cục Hải quan đồng ý trước khi có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi.

4.2.2. Đối với bán tài sản công:

a) Đối với trường hợp bán tài sản công quy định tại điểm a, điểm d Khoản 1 Điều 43 Luật quản lý, sử dụng tài sản công: thực hiện theo quy định về xử lý tài sản thu hồi và thanh lý tại Quyết định này.

b) Đối với trường hợp bán tài sản công quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 43 Luật quản lý, sử dụng tài sản công: thực hiện theo phương án được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Tổng cục trưởng, Cục Tài vụ - Quản trị tham mưu, báo cáo Tổng cục trưởng quyết định.

4.2.3. Đối với thanh lý, tiêu hủy tài sản công (trừ vũ khí, công cụ hỗ trợ):

a) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thực hiện theo uỷ quyền của Tổng cục trưởng quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản là chó nghiệp vụ của các đơn vị sử dụng ngân sách (theo quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng chó nghiệp vụ được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành).

b) Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định thanh lý, tiêu hủy tài sản công được giao quản lý, sử dụng.

d) Trình tự, thủ tục và danh mục hồ sơ:

- Đối với thanh lý, tiêu hủy chó nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại khoản 21, 22, 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ, Điều 33 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Quy chế quản lý, sử dụng chó nghiệp vụ được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

- Đối với thanh lý tài sản công (trừ chó nghiệp vụ): thực hiện theo quy định tại khoản 21, 22, 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ.

- Đối với tiêu hủy tài sản công (trừ chó nghiệp vụ): thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

e) Đối với tài sản công đã ban hành quyết định thanh lý, tiêu hủy, cụ thể gồm tài sản chuyên dùng, ô tô, tàu, cano có nguyên giá tài sản từ 1 tỷ đồng trở lên /01 đơn vị tài sản và chưa hết thời gian tính hao mòn tài sản: Định kỳ 6 tháng/lần, đơn vị sử dụng ngân sách lập phụ lục danh mục tài sản thanh lý, tiêu hủy kèm theo Báo cáo tự kiểm tra định kỳ theo Chỉ thị số 1955/CT-TCHQ ngày 30/5/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan theo quy định. Nội dung báo cáo gồm: Danh mục tài sản công đã có quyết định thanh lý; Nguyên giá tài sản; năm đưa vào sử dụng; giá trị còn lại; lý do quyết định thanh lý; kết quả thanh lý, tiêu hủy.

4.2.4. Đối với tài sản công bị mất, bị hủy hoại:

a) Thực hiện theo các trường hợp quy định tại Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;

Riêng đối với tài sản là vũ khí, công cụ hỗ trợ bị mất, bị huỷ hoại: Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện theo quy định tại Luật quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ trước khi xử lý tài sản theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Việc xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức người lao động thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động và pháp luật khác có liên quan.

c) Trình tự, thủ tục và hồ sơ: thực hiện theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ.

4.3. Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.4. Đối với việc xử lý tài sản công theo các hình thức quy định tại Điều 40 Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trường hợp cần thiết cấp có thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này yêu cầu các đơn vị nghiệp vụ liên quan thuộc và trực thuộc phạm vi quản lý của mình có ý kiến bằng văn bản trước khi quyết định việc xử lý tài sản công.

4.5. Quản lý sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công thực hiện theo quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/09/2024 của Chính phủ.

4.6. Đơn vị sử dụng ngân sách gửi 01 bản kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan ngay sau khi phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh (nếu có): quyết định điều chuyển, xử lý tài sản công là nhà, đất, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

Điều 7. Đối với lĩnh vực kiểm tra nội bộ

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

1.1. Xây dựng kế hoạch kiểm tra hằng năm, đột xuất đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính). Riêng việc xây dựng kế hoạch kiểm tra CNTT và thống kê hằng năm, đột xuất đối với

các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Tin học và thống kê Tài chính);

Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì xây dựng kế hoạch, báo cáo Tổng cục trưởng để báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính). Riêng việc xây dựng kế hoạch kiểm tra CNTT và thống kê hằng năm, đột xuất đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chủ trì xây dựng kế hoạch, báo cáo Tổng cục trưởng để báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Tin học và thống kê Tài chính).

1.2. Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra nội bộ hằng năm theo kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt;

Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì báo cáo Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt. Riêng đối với kế hoạch kiểm tra công nghệ thông tin và thống kê chi tiết, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chủ trì báo cáo Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt.

1.3. Tổng hợp kết quả kiểm tra nội bộ định kỳ, đột xuất của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính). Riêng việc tổng hợp kết quả kiểm tra CNTT và thống kê định kỳ, đột xuất của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Tin học và thống kê tài chính);

Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì tổng hợp kết quả kiểm tra nội bộ hằng năm báo cáo Tổng cục trưởng để báo cáo Bộ Tài chính. Riêng đối với kết quả kiểm tra nội bộ công nghệ thông tin và thống kê hằng năm, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chủ trì tổng hợp để báo cáo Tổng cục trưởng để báo cáo Bộ Tài chính.

1.4. Quyết định kiểm tra nội bộ đột xuất các đơn vị sử dụng ngân sách;

1.5. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra nội bộ hằng năm theo kế hoạch đã được Tổng cục trưởng phê duyệt;

1.6. Ban hành thông báo kết quả kiểm tra nội bộ đối với các đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị:

2.1. Tổ chức thực hiện kiểm tra nội bộ tại các đơn vị sử dụng ngân sách theo kế hoạch chi tiết và quyết định thành lập đoàn đã được Tổng cục trưởng phê duyệt (trừ nội dung quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều này).

2.2. Kiểm tra công tác thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm tra nội bộ tại các đơn vị sử dụng ngân sách do Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì thực hiện kiểm tra nội bộ.

3. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan:

3.1. Tổ chức thực hiện kiểm tra nội bộ tại các đơn vị sử dụng ngân sách theo kế hoạch chi tiết và quyết định thành lập đoàn đã được Tổng cục trưởng phê duyệt đối với nội dung về công nghệ thông tin.

3.2. Kiểm tra công tác thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm tra nội bộ tại các đơn vị sử dụng ngân sách do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chủ trì thực hiện kiểm tra nội bộ.

4. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách:

Lập kế hoạch tự kiểm tra nội bộ, thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ hằng năm tại đơn vị theo quy định và báo cáo kết quả tự kiểm tra nội bộ về Tổng cục Hải quan (qua Cục Tài vụ - Quản trị, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan) theo quy định;

Công tác tự kiểm tra nội bộ thực hiện theo quy định tại Mục III Chương 2 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-BTC ngày 30/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Cục Tài vụ - Quản trị

1. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

2. Tổng hợp, đề xuất báo cáo Tổng cục trưởng xem xét điều chỉnh, bổ sung về phân cấp phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 9. Đơn vị sử dụng ngân sách

1. Tổ chức thực hiện thẩm quyền được giao theo quy định của pháp luật và Quyết định này. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật trong thực hiện các nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về sự cần thiết, tính hiệu quả, tính chính xác của số liệu, đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về Tổng cục Hải quan (qua Cục Tài vụ - Quản trị) cụ thể:

2.1. Đối với dự án đầu tư:

- Chủ đầu tư thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Luật Đầu tư công, Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Chủ đầu tư thực hiện báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

- Thực hiện Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

2.2. Đối với công tác đấu thầu: Chủ đầu tư thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

3. Kịp thời đề xuất, báo cáo Tổng cục trưởng (qua Cục Tài vụ - Quản trị) xem xét điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của đơn vị.

Điều 10. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan

Thủ trưởng các đơn vị có liên quan nêu tại Điều 3, Điều 4, Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định này tổ chức thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định của pháp luật và Quyết định này. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Trách nhiệm của công chức, viên chức

Công chức, viên chức thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Thủ trưởng đơn vị. Trường hợp vi phạm sẽ thực hiện xử lý theo quy định tại Quyết định số 799/QĐ-TCHQ ngày 12/4/2023 về ban hành quy chế kiểm tra công vụ và xử lý vi phạm đối với công chức, viên chức trong ngành Hải quan.

Điều 12. Quy định về ủy quyền

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ủy quyền:

1. Thực hiện công việc ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật và của Tổng cục trưởng.
2. Toàn bộ văn bản ký thừa ủy quyền Tổng cục trưởng được thực hiện theo thể thức và đóng dấu hoặc ký số của Tổng cục Hải quan theo quy định của pháp luật về công tác văn thư và các quy định hiện hành của pháp luật.


Điều 13. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng đã phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày Quyết định số 899/QĐ-BTC ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và phân cấp, ủy quyền tại Quyết định số 2469/QĐ-BTC ngày 29/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 369/QĐ-TCHQ ngày 3/3/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Đối với dự án đầu tư ứng dụng CNTT đã phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày Quyết định số 899/QĐ-BTC ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư công, đầu tư ứng dụng CNTT và quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 1333/QĐ-BTC ngày 01/7/2022 của Bộ Tài chính; Quyết định số 369/QĐ-TCHQ ngày 3/3/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

3. Đối với chủ trương đầu tư, dự án đầu tư đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định trước ngày Quyết định số 899/QĐ-BTC ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt thì thẩm quyền quyết định phê duyệt thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

4. Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; hoạt động ứng dụng CNTT đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày Quyết định số 899/QĐ-BTC ngày 19/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về CNTT, phân cấp quy định tại Quyết định số 394/QĐ-BTC ngày 27/3/2018 của Bộ Tài chính và quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu

tư ứng dụng CNTT tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 1333/QĐ-BTC ngày 01/7/2022 của Bộ Tài chính; Quyết định số 369/QĐ-TCHQ ngày 3/3/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Quyết định số 1610/QĐ-TCHQ ngày 31/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan. 



Phụ lục I

DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN CNTT KHÔNG PHẢI LẬP DỰ ÁN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 28 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH SỐ 82/2024/NĐ-CP NGÀY 10/7/2024 THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

(Kèm theo Quyết định số **2552/QĐ-TCHQ** ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)


1. Các loại tài sản CNTT thuộc lĩnh vực mạng phục vụ:

- a) Mạng diện rộng WAN ngành Hải quan thuộc hạ tầng truyền thông ngành Tài chính;
- b) Kết nối mạng giữa các đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Tổng cục Hải quan, Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan, Trung tâm dữ liệu dự phòng của Tổng cục Hải quan;
- c) Kết nối mạng giữa cơ quan Tổng cục (bao gồm cả Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan và Trung tâm dữ liệu dự phòng của Tổng cục Hải quan) với doanh nghiệp, cơ quan, Bộ, ngành bên ngoài;
- d) Thiết bị chuyên mạch vùng Core, vùng máy chủ, vùng DMZ phục vụ thiết lập các vùng mạng (trừ vùng mạng nội bộ) theo kiến trúc mạng LAN (Ban hành tại Quyết định số 1729/QĐ-TCHQ ngày 18/6/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan) tại các phòng máy chủ trụ sở Cục Hải quan hoặc tương đương.

2. Các loại tài sản CNTT thuộc lĩnh vực an ninh, an toàn thông tin:

Các loại tài sản CNTT thuộc lĩnh vực an ninh, an toàn thông tin nhằm đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 gồm:

- a) Thiết bị hoặc giải pháp quản lý truy cập, quản trị hệ thống từ xa an toàn;
- b) Thiết bị hoặc giải pháp quản lý truy cập giữa các vùng mạng và phòng chống xâm nhập;
- c) Thiết bị hoặc giải pháp cân bằng tải;
- d) Thiết bị hoặc giải pháp đảm bảo an toàn cho ứng dụng web;
- e) Thiết bị hoặc giải pháp bảo đảm an toàn cho máy chủ cơ sở dữ liệu;
- g) Thiết bị hoặc giải pháp chặn lọc phần mềm độc hại trên môi trường mạng;

- h) Thiết bị hoặc giải pháp phòng chống tấn công từ chối dịch vụ;
 - i) Thiết bị hoặc giải pháp giám sát an toàn hệ thống thông tin tập trung;
 - k) Thiết bị hoặc giải pháp quản lý phần mềm phòng chống mã độc trên các máy chủ/máy tính người dùng tập trung;
 - l) Thiết bị hoặc giải pháp phòng, chống thất thoát dữ liệu;
 - m) Thiết bị hoặc giải pháp bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử;
 - n) Thiết bị hoặc giải pháp quản lý truy cập lớp mạng;
 - o) Thiết bị hoặc giải pháp bảo đảm an toàn cho mạng không dây;
 - p) Thiết bị hoặc giải pháp quản lý tài khoản đặc quyền;
 - q) Thiết bị hoặc giải pháp quản lý, dò quét điểm yếu an toàn thông tin mạng;
 - r) Các giải pháp khác theo khuyến cáo của các cơ quan chuyên môn về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.
- 



Phụ lục II

**DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN CNTT KHÔNG PHẢI LẬP DỰ ÁN
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 28 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH SỐ 82/2024/NĐ-
CP NGÀY 10/7/2024 THUỘC THAM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM
CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

*(Kèm theo Quyết định số 2552/QĐ-TCHQ ngày 05 tháng 11 năm 2024 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định mua sắm đối với các loại tài sản CNTT không phải lập dự án theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 để trang bị, sử dụng trong phạm vi đơn vị quản lý và có tổng mức dự toán dưới 45 tỷ đồng, bao gồm:

1. Các loại tài sản CNTT thuộc lĩnh vực mạng phục vụ:

a) Mạng nội bộ LAN tại trụ sở Cục Hải quan và tương đương, trụ sở Chi cục Hải quan và tương đương thuộc phạm vi đơn vị quản lý. Loại trừ các thiết bị chuyển mạch vùng Core, vùng máy chủ, vùng DMZ phục vụ thiết lập các vùng mạng (trừ vùng mạng nội bộ) theo kiến trúc mạng LAN (Ban hành tại Quyết định số 1729/QĐ-TCHQ ngày 18/6/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan) tại các phòng máy chủ;

b) Kết nối mạng nội bộ giữa các điểm trong cùng địa bàn Chi cục Hải quan và tương đương;

c) Kết nối mạng giữa trụ sở Cục Hải quan và tương đương hoặc Chi cục Hải quan và tương đương với doanh nghiệp, cơ quan bên ngoài thuộc địa bàn đơn vị quản lý.

2. Các loại tài sản CNTT thuộc lĩnh vực an ninh, an toàn thông tin:

Các thiết bị, giải pháp nhằm đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 được trang bị bổ sung phục vụ đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin do đơn vị là đơn vị vận hành hoặc quản lý trực tiếp theo phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được Tổng cục Hải quan (Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan) cho ý kiến.

3. Các loại tài sản CNTT trang bị cho Trung tâm dữ liệu và phòng máy chủ.

4. Các loại tài sản CNTT phục vụ hoạt động văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ:

- a) Máy vi tính để bàn (gồm các loại máy vi tính để bàn: phổ biến; chuyên dùng; soạn thảo văn bản mật; phục vụ hoạt động chung);
- b) Máy vi tính xách tay (gồm các loại máy vi tính xách tay: phổ biến; chuyên dùng; phục vụ hoạt động chung);
- c) Máy in (gồm các loại máy in: phổ biến; chuyên dùng; in văn bản mật);
- d) Thiết bị lưu điện (UPS) cho máy vi tính để bàn;
- e) Thiết bị ngoại vi máy tính; linh kiện, vật tư CNTT. 